

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày 26- 9 -2024

“ V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hương – Cán bộ hưu trí

Bà Bùi Thị Cẩm – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST – DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-DS ngày 17/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-DS ngày 01/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (H1).

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn H- Giám đốc Chi nhánh tỉnh

Q

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Huy B , sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số C đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

Theo Văn bản ủy quyền ngày 19/ 02 / 2024

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn T1 – sinh năm 1997 và bà Nguyễn Thị Tường V – sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị T2 – sinh năm 1977

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

- Ông Nguyễn T3 – sinh năm 1970

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

- Ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1980

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bà Đỗ Thị Thu N1 – sinh năm 1983

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Anh Nguyễn T4 –sinh năm 1999

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP P đã cho vợ chồng ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị Tường V vay 450.000.0000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 18791/22MB/HDTD ngày 22 tháng 6 năm 2022, giải ngân theo Khế ước đã nhận nợ 18791/22MB/HDTD/KUNN01 ngày 28/6/2022. Cụ thể

Số tiền vay gốc: 450.000.000 đồng

Lãi suất cho vay 11,3% /Năm

Thời hạn vay: 12 tháng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động mua bán thủy hải sản, chả cá tươ

Trong thời hạn vay thì phía bị đơn đã trả được 6.250.050 đồng tiền vay gốc và 146.730 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 26/9/2024 thì vợ chồng ông Nguyễn T1, bà

Nguyễn Thị Tường V còn nợ khoản vay của Ngân hàng tổng cộng: 559.532.214 đồng (Trong đó nợ gốc 443.749.950 đồng; lãi trong hạn 4.600.834 đồng; lãi quá hạn 111.181.430 đồng)

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 36, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 336201, số vào sổ cấp GCN H.04059 do của Ủy ban nhân dân huyện Đ (Nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 08/11/2006, thuộc sở hữu của ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V

(Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18791/22MB/HĐBĐ ngày 22/6/2022)

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết, cụ thể ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V sẽ thanh toán nợ gốc và lãi khi đến các kỳ hạn trả nợ, nhưng kể từ kỳ hạn thanh toán vào tháng 28/06/2023 đến nay, ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V đã không thanh toán các khoản nợ gốc

Ngân hàng TMCP Phát triển TP . làm đề nghị Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến tính đến ngày 26/9/2024 là 559.532.214 đồng. Trong đó nợ gốc 443.749.950 đồng; lãi trong hạn 4.600.834 đồng; lãi quá hạn 111.181.430 đồng

- Buộc ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với H1 kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán xong

- Trường hợp, ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì H1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp cho H1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18791/22MB/HĐBĐ ngày 22/06/2022. Nếu số tiền phát mại tài sản thế chấp nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông tại H1 thì ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V tại H1 thì H1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Tường V và ông Nguyễn T1 để tiếp tục thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật hoặc bà Nguyễn Thị Tường V, ông Nguyễn T1 vẫn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay đề nghị xử lý là:

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 36, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 336201, số

vào sổ cấp GCN H.04059 do của Ủy ban nhân dân huyện Đ (Nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 08/11/2006, thuộc sở hữu của ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V

(Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18791/22MB/HĐBĐ ngày 22/6/2022

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Tường V tại bản khai ngày 28/3/2024 trình bày: Vào năm 2022 vợ chồng bà Nguyễn Thị Tường V, ông Nguyễn T1 có vay của Ngân hàng H1 số tiền gốc là 450.000.000 đồng. Hiện nay vợ chồng bà còn nợ N2 hàng H1 tính đến ngày 12/01/2024 là 496.630.966 đồng, trong đó tiền vay gốc 443.749.950 đồng, nợ lãi trong hạn hạn 4.600.834 đồng, nợ lãi quá hạn 48.280.182 đồng. Nay vợ chồng bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do hiện nay Ngân hàng không cho đáo hạn nên không có tiền trả cho Ngân hàng. Khi vay vợ chồng bà có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 347 tờ bản đồ số 36 phường P. Trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ thì vẫn đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 347 tờ bản đồ số 36 phường P để trả nợ cho Ngân hàng H1

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn T1 đã nhận tất cả các thông báo của Tòa án hợp lệ nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T4 trình bày: Ông Nguyễn T4 là cho của bà Nguyễn Thị Tường V. Hiện nay ông đang sinh sống tại thửa 347 tờ bản đồ số 36 phường P là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng H1. Trường hợp vợ chồng Nguyễn T1, Nguyễn Thị Tường V không trả được nợ thì ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 347 tờ bản đồ số 36 phường P.

4/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn T3: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T3 đã nhận đầy đủ các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày.

5/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T2: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T2 đã nhận đầy đủ các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày.

6/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Đỗ Thị Thu N1 trình bày: Hiện nay ông N, bà N1 đang sinh sống tại thửa 347 tờ bản đồ số 36 phường P là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng H1. Trường hợp vợ chồng Nguyễn T1, Nguyễn Thị Tường V không trả được nợ thì ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 347 tờ bản đồ số 36 phường P.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Về việc tuân theo Pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 19/02/2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần P (H1) có đơn khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V ở tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc yêu cầu trả nợ tiền vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến ngày 26/9/2024 là 559.532.214 đồng, trong đó nợ gốc 443.749.950 đồng; lãi trong hạn 4.600.834 đồng; lãi quá hạn 111.181.430 đồng và tiếp tục trả lãi suất phát sau ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P (H1) với ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Để bổ sung vốn làm ăn nên ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V đã ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng H1 theo hợp đồng tín dụng số 18791/22MB/HDTD ngày 22 tháng 6 năm 2022, giải ngân theo Khế ước đã nhận nợ 18791/22MB/HDTD/KUNN01 ngày 28/6/2022.

Xét thấy khi ký kết các hợp đồng tín dụng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015

Việc ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V không trả gốc và lãi theo các hợp đồng đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo với ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V để yêu cầu trả nợ nhưng ông T1, bà V vẫn không trả.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Tường V thừa nhận vợ chồng có vay và nợ tiền Ngân hàng H1 tính đến ngày 12/01/2024 là 496.630.966 đồng, trong đó tiền vay gốc 443.749.950 đồng, nợ lãi trong hạn hạn 4.600.834 đồng, nợ lãi quá hạn 48.280.182 đồng

Vì vậy Ngân hàng Thương mại cổ phần P yêu cầu ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến tính đến ngày 26/9/2024 tổng cộng gốc và lãi là 559.532.214 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thực hiện xong hợp đồng theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V không trả được nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P

Để đảm bảo các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng vay của ngân hàng H1 thì vợ chồng ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 36, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 336201, số vào sổ cấp GCN H.04059 do của Ủy ban nhân dân huyện Đ (Nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 08/11/2006, thuộc sở hữu của ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V

(Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18791/22MB/HĐBĐ ngày 22/6/2022)

Xét thấy khi ký kết hợp đồng thế chấp tài sản thì các bên đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật dân sự về đăng ký bảo đảm. Do đó tất cả các hợp đồng thế chấp đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng.

Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên trong trường hợp ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V không trả được nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P

[4] Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu đối với số tiền là: $[20.000.000 \text{ đồng} + (159.532.214 \times 4\%) = 26.381.288 \text{ đồng}]$ tiền án phí dân sự sơ thẩm

[5] Về chi phí tố tụng :Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc vợ chồng ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V phải trả số tiền chi phí xem xét tại chỗ và đo đạc 6.000.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần P

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 325, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P (H1)

Buộc ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V thanh toán toàn bộ khoản vay tính đến tính đến ngày 26/9/2024 là 559.532.214 đồng, trong đó nợ gốc 443.749.950 đồng; lãi trong hạn 4.600.834 đồng; lãi quá hạn 111.181.430 đồng

Buộc ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với H1 kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán xong

Trường hợp, ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì H1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 36, địa chỉ: Xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 336201, sổ vào sổ cấp GCN H.04059 do của Ủy ban nhân dân huyện Đ (Nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 08/11/2006, thuộc sở hữu của ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18791/22MB/HĐBĐ ngày 22/6/2022 để thu hồi nợ vay.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V có trách nhiệm tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu đối với số tiền là: 26.381.288 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí là 11.932.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001772 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Tường V phải trả số tiền chi phí xem xét tại chỗ và đo đạc 6.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Kha

